

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO TỪ XA TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

PHAN VĂN KHA* - PHẠM PHƯƠNG TÂM**

Ngày nhận bài: 06/12/2016; ngày sửa chữa: 12/12/2016; ngày duyệt đăng: 16/12/2016.

Abstract: The article analyses situation of distance education management for tertiary education in Mekong River Delta. Generally, efficiency of governance of distance education has not matched with requirements in term of teacher training, self-learning management, materials and facilities management, student's feedback collection. Therefore, distance education must be more interested by managers. In this article, authors proposes solutions to improve quality of distance education for tertiary education in Mekong River Delta, namely planning, management under graduation requirements, recruitment reform, material mobility system establishment, Information and Technology application, test and assessment innovation and cooperation with bussinesses and organisations to generate job opportunites for graduates.

Keywords: Distance education, management, tertiary education, human resources, Mekong River Delta.

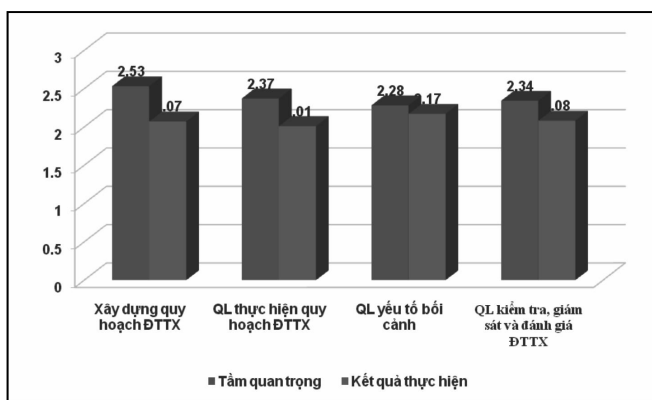
Đào tạo từ xa (ĐTTX) trình độ đại học (ĐH) là hình thức đào tạo (ĐT) đóng vai trò quan trọng trong việc đáp ứng nhu cầu đa dạng của người học, của cộng đồng, của các đơn vị sử dụng nhân lực; phù hợp với những đặc thù về địa lí, KT-XH của các địa phương, vùng miền. ĐTTX và quản lý (QL) ĐTTX nhân lực trình độ ĐH vùng Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thời gian qua có những bước phát triển, nhưng xét trong mối quan hệ với nhu cầu xã hội, thỏa mãn nhu cầu nhân lực, người học còn nhiều hạn chế, bất cập cần được khắc phục.

Để có các giải pháp đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả ĐTTX trình độ ĐH, đáp ứng nhu cầu nhân lực của vùng ĐBSCL cần có những phân tích, nhận định cụ thể, chính xác và khoa học. Từ tháng 05 đến tháng 09/2014, chúng tôi đã tiến hành điều tra, khảo sát các nhóm đối tượng sau: 03 cơ sở đào tạo (CSĐT) chủ trì, tổ chức ĐTTX (Trường ĐH Cần Thơ; Trường ĐH Trà Vinh; Trường ĐH Đồng Tháp); 24 đơn vị liên kết ĐTTX; 120 giảng viên (GV) tham gia giảng dạy ĐTTX; 545 sinh viên (SV) theo học ĐTTX, 24 cán bộ QL của CSĐT, 30 cơ sở sử dụng nhân lực (CSSDNL) trình độ ĐH hình thức ĐTTX và 117 SV tốt nghiệp hình thức ĐTTX. Từ tháng 09 đến tháng 12/2014, chúng tôi xử lí, phân tích số liệu thực trạng về ĐTTX và QL ĐTTX vùng ĐBSCL.

1. Thực trạng QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH vùng ĐBSCL

Trên cơ sở khảo sát các nhóm đối tượng: các cơ sở chủ trì, tổ chức ĐTTX; các cơ sở phối hợp, liên kết ĐTTX;

cùng đội ngũ GV, cán bộ QL, SV đang học và tốt nghiệp hình thức ĐTTX; các CSSDNL tốt nghiệp hình thức ĐTTX về các nội dung: QL xây dựng quy hoạch ĐTTX; QL thực hiện xây dựng quy hoạch ĐTTX; QL các yếu tố bối cảnh; QL kiểm tra, giám sát và đánh giá ĐTTX. Kết quả thông qua biểu đồ cho thấy:



Biểu đồ. Thực trạng QL ĐTTX trình độ ĐH vùng ĐBSCL

Thực trạng QL ĐTTX trình độ ĐH vùng ĐBSCL giữa tầm quan trọng của các nội dung QL và kết quả thực hiện trong QL ĐTTX của các CSĐT là khá tốt, thể hiện ở các điểm trung bình chung các nội dung kết quả thực hiện đều trên 2,00 điểm, việc thực hiện các nội dung QL gần tiệm cận với đánh giá về tầm quan trọng của từng nội dung QL.

* Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam

** Trường Đại học Cần Thơ

Kết quả cao nhất trong các nội dung QL là QL yếu tố bối cảnh, điểm trung bình kết quả thực hiện là 2,17 điểm, gần với đánh giá tầm quan trọng là 2,28 điểm từ phía các đối tượng tham gia khảo sát, điều đó chứng minh rằng các CSĐT có tổ chức ĐTTX trong vùng đã khai thác tốt các yếu tố bối cảnh tác động đến QL, tận dụng được các cơ hội, thời cơ của vùng như: yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL; yêu cầu nhân lực trình độ cao vùng ĐBSCL; quy hoạch chiến lược vùng ĐBSCL giai đoạn 2011-2020.

Tiếp đến là QL kiểm tra, giám sát và đánh giá quá trình ĐTTX được đánh giá điểm trung bình chung kết quả thực hiện là 2,08 điểm. Điều đó cho thấy các CSĐT đã thật sự đảm bảo thực hiện tốt công tác kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, quá trình ĐT được QL tổ chức thực hiện theo đúng các quy chế, quy định của Nhà nước và các cơ quan QL trong GD-ĐT.

Tuy nhiên, với kết quả đánh giá điểm trung bình chung kết quả thực hiện là 2,08 điểm cũng chưa phải thật sự kết quả cao như mong đợi, trong khi kết quả đánh giá tầm quan trọng của nội dung này đến 2,34 điểm. Trong các nội dung của công tác trên, yếu nhất là nội dung chỉ đạo lập kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát và đánh giá các thành tố của quá trình ĐTTX từ đầu vào, quá trình dạy học, đầu ra.

QL xây dựng quy hoạch ĐTTX tuy đứng thứ ba với kết quả thực hiện đạt trung bình là 2,07 điểm nhưng trong đánh giá về tầm quan trọng lại đạt điểm cao nhất, đứng đầu trong các nội dung (đạt 2,53 điểm). Đây là nội dung mới trong QLĐT trong thời gian gần đây, việc đánh giá tầm quan trọng với điểm đánh giá cao, chứng tỏ các CSĐT và CSSDNL, địa phương bước đầu đã có sự quan tâm đến công tác khảo sát, tiếp nhận phản hồi thông tin, sự liên kết giữa ĐT và sử dụng nhân lực, giữa nhu cầu của thị trường lao động và ĐT.

Với kết quả thực hiện là 2,07 điểm cho phép nhận định rằng công tác chỉ đạo và đội ngũ thực hiện xây dựng quy hoạch của các CSĐT trong vùng còn yếu, đây là nội dung khi được khảo sát, các đối tượng đều đánh giá kết quả thực hiện thấp hơn các nội dung khác (chỉ đạt 1,79 từ phía các đơn vị liên kết và 1,97 từ CSSDNL). Qua đó cũng cho thấy, nhận thức về vai trò của hình thức ĐTTX trong hệ thống GD-ĐT quốc dân, đáp ứng nhu cầu học tập trong xã hội học tập và học tập suốt đời của người dân trong vùng, đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH cho các CSSDNL, các địa phương vẫn chưa được đánh giá và nhận thức đúng.

Nội dung đánh giá kết quả thực hiện thấp nhất là QL thực hiện quy hoạch ĐTTX, chỉ đạt 2,01 điểm cho phép kết luận hệ thống QL ĐTTX ở các CSĐT thiếu kinh nghiệm, chưa đủ năng lực xây dựng và tổ chức thực hiện quá trình QL từ đầu vào, quá trình ĐT, đầu ra. Nổi bật và đáng lưu ý là trong đánh giá kết quả thực hiện các nội dung có liên quan đến QL thực hiện quy hoạch ĐTTX thì nội dung QL điểm cao nhất là QL tài chính đạt điểm trung bình 2,17 điểm, cho phép đi đến một số nhận định: công tác QL tài chính đạt hiệu quả, đảm bảo cân đối cho chi phí ĐT của các CSĐT; chi phí ĐT phù hợp điều kiện và thu nhập người dân và CSSDNL; đồng thời cũng chứng minh rằng ĐTTX là hình thức ĐT linh hoạt, mềm dẻo và phù hợp với điều kiện của đại đa số người dân vùng sâu, vùng xa, hải đảo, nơi còn nhiều khó khăn, hạn chế như vùng ĐBSCL.

Về vấn đề QL thực hiện quy hoạch ĐTTX, kết quả khảo sát phản ánh thực trạng cụ thể như sau (xem bảng):

Bảng. QL thực hiện quy hoạch ĐTTX

| TT | Nội dung | Tầm quan trọng | Kết quả thực hiện |
|----|--|----------------|-------------------|
| 1 | Thực trạng QL chương trình ĐTTX | 1,94 | 1,94 |
| 2 | Thực trạng QL tuyển sinh ĐTTX | 2,48 | 1,98 |
| 3 | Thực trạng QL đội ngũ GV tham gia ĐTTX | 2,34 | 2,06 |
| 4 | Thực trạng QL phương tiện kĩ thuật và học liệu | 2,41 | 1,87 |
| 5 | Thực trạng QL tài chính trong ĐTTX | 2,29 | 2,17 |
| 6 | Thực trạng QL hoạt động dạy và hướng dẫn SV | 2,32 | 1,91 |
| 7 | Thực trạng QL hoạt động học, tự học của SV | 2,24 | 1,95 |
| 8 | Thực trạng QL kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV | 2,44 | 2,09 |
| 9 | QL thông tin việc làm của SV sau khi tốt nghiệp | 2,31 | 2,01 |
| 10 | QL thông tin sự phát triển nghề nghiệp của SV | 2,40 | 2,04 |
| 11 | QL thông tin sự thỏa mãn nhu cầu của CSSDNL và cộng đồng | 2,42 | 2,04 |

Trong 11 nội dung thực hiện quy hoạch ĐTTX, đạt điểm thấp nhất là QL phương tiện kĩ thuật và học liệu chỉ đạt 1,87 điểm (hoàn toàn đúng với thực tế là dù các CSĐT có quan tâm đầu tư, trang bị và tận dụng nhưng phương tiện kĩ thuật và học liệu ở các CSĐT vẫn hạn chế, chưa đồng bộ, chưa đảm bảo phục vụ cho nhu cầu dạy và học từ xa, tác động không tốt đến quá trình tổ chức ĐTTX).

Nội dung QL đội ngũ GV đạt kết quả thực hiện là 2,06 điểm cho thấy, công tác chọn lọc và mời đội ngũ GV dạy và hướng dẫn từ xa đạt, khẳng định là đội ngũ GV của các CSĐT có tâm huyết, trình độ, năng lực

tham gia giảng dạy và hướng dẫn từ xa. Mục QL hoạt động đạt 1,91 điểm cho thấy dù đội ngũ GV, cán bộ QL của các CSĐT có năng lực, trình độ chuyên môn, phương pháp giảng dạy phù hợp, đáp ứng được nhu cầu học tập của SV nhưng trong công tác QL bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin cho đội ngũ GV chưa được thực hiện tốt, dẫn đến GV chưa hỗ trợ phát huy tối đa khả năng tư duy, sáng tạo và tự học, tự nghiên cứu của người học. Khả năng áp dụng các công nghệ, đổi mới phương pháp giảng dạy mới của GV chưa đồng đều.

Cuối cùng là QL hoạt động học, tự học chỉ đạt điểm trung bình là 1,94 điểm, đây là hạn chế lớn cần khắc phục, lí do xuất phát từ việc chưa đánh giá đúng đối tượng ĐT, tham gia học từ xa (đa phần là người lớn tuổi, hiện đang vừa làm vừa học nên gặp khó khăn trong tự học). Các CSĐT, GV chưa có phương pháp thích hợp trong việc khuyến khích, động viên SV tự học, tự nghiên cứu để đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện thông qua ĐTTX.

2. Nhận định chung

2.1. Ưu điểm:

- Các CSĐT bước đầu đã có sự quan tâm trong việc xây dựng quy hoạch ĐTTX trên cơ sở phối hợp, hỗ trợ, tiếp nhận phản hồi thông tin và khảo sát từ thực tiễn nhu cầu của các CSSDNL, các địa phương trong vùng về nhu cầu của ĐT, sử dụng nhân lực trình độ ĐH về các mặt số lượng, cơ cấu và chất lượng.

- Việc tiến hành khảo sát và xây dựng quy hoạch ĐTTX của các CSĐT bước đầu đã giúp các CSĐT, nhà QL có kế hoạch, định hướng tổ chức ĐT các lĩnh vực/ngành đáp ứng và phù hợp với đặc thù, thế mạnh của vùng, đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH cho sự phát triển KT-XH của các CSSDNL, địa phương trong vùng.

- Giữa các CSĐT và các CSSDNL, các địa phương đã có sự phối hợp, gắn kết giữa ĐT và nhu cầu sử dụng nhân lực, dù chỉ mới nhưng mối liên kết đó đã góp phần giúp các đơn vị bổ sung thế mạnh cho nhau.

- Thực hiện tốt việc chọn lọc và mời đội ngũ GV dạy và hướng dẫn từ xa có tâm huyết, trình độ, năng lực, phương pháp giảng dạy phù hợp, cơ bản đáp ứng được nhu cầu học tập của SV, nhu cầu ĐT của CSSDNL.

- QL kiểm tra, giám sát và đánh giá quá trình ĐTTX đã được các CSĐT tổ chức thực hiện theo đúng các quy chế, quy định của Nhà nước và các cơ quan QL về GD-ĐT.

2.2. Tồn tại, hạn chế:

- Các chính sách, quy định hiện hành của Nhà nước và các địa phương còn đơn giản, bộc lộ nhiều bất cập, lạc hậu; cần sớm điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các chính sách từ trung ương đến địa phương nhằm tạo động lực cho ĐTTX phát triển.

- Chính sách hỗ trợ, khuyến khích, ưu đãi trong học tập và tuyển dụng đối với các đối tượng tham gia học và tốt nghiệp hình thức ĐTTX của Nhà nước và các CSSDNL chưa phù hợp.

- Kết cấu hạ tầng công nghệ thông tin và truyền thông trong vùng tuy có bước phát triển nhưng chưa hoàn thiện, chi phí cao, vận hành kém đã phần nào gây khó khăn cho sự phát triển của ĐTTX.

- Công tác chỉ đạo cũng như đội ngũ của các CSĐT còn yếu trong tổ chức xây dựng hệ thống, phân tích dữ liệu, xây dựng và ban hành quy hoạch, thậm chí ngay cả trong tổ chức thực hiện quy hoạch ĐTTX nhằm đáp ứng nhu cầu học tập trong xã hội học tập và học tập suốt đời của người dân trong vùng, cũng như nhu cầu ĐT nhân lực trình độ ĐH cho các CSSDNL và các địa phương.

- Bồi dưỡng, nâng cao năng lực, phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ thông tin của đội ngũ GV chưa được thực hiện tốt. Khả năng áp dụng công nghệ thông tin, đổi mới phương pháp giảng dạy mới của GV chưa đồng đều. Chưa phát huy tối đa khả năng tư duy, sáng tạo và tự học, tự nghiên cứu của người học.

- QL hoạt động học và tự học của SV còn hạn chế, chưa đánh giá đúng đối tượng tham gia hình thức ĐTTX, chưa có biện pháp thích hợp khuyến khích, động viên SV tự học, tự nghiên cứu để đạt kết quả cao trong học tập và rèn luyện.

- Tuyển sinh chưa linh hoạt, đa dạng và hiệu quả thể hiện: cơ cấu lĩnh vực/ngành ĐT đơn giản, rất ít các ngành kĩ thuật, công nghệ do ngại phải tổ chức thực hành, thực tập nhiều, chi phí cao; chưa tổ chức tư vấn, quảng bá, tuyên truyền rộng rãi đến mọi người dân, đặc biệt là các đối tượng ở vùng sâu, vùng xa về hình thức ĐT; chưa áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong tuyển sinh.

- Dù có quan tâm đầu tư nhưng phương tiện kĩ thuật và học liệu ở các CSĐT vẫn hạn chế, chưa đảm bảo phục vụ đúng, đủ và chất lượng cho nhu cầu dạy và học từ xa, tác động không tốt đến chất lượng ĐTTX. Việc hạn chế trong đầu tư phương tiện kĩ thuật và học liệu phục vụ cho nhu cầu dạy và học từ xa ở các CSĐT, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông còn

hạn chế nên dẫn đến hệ quả là ít các lĩnh vực/ngành, chương trình, các môn học tổ chức ĐT trực tuyến.

- Chưa có sự liên kết nguồn học liệu giữa các CSĐT có hoặc không có tổ chức ĐTTX trong và ngoài vùng. Chưa tận dụng và khai thác mối quan hệ hợp tác quốc tế để tiếp thu các công nghệ mới, nguồn học liệu mở từ các CSĐT, các nước tiên tiến, có công nghệ ĐTTX phát triển.

- Công tác kiểm tra, đánh giá và QL kết quả học tập của SV còn nhiều hạn chế, chưa có phương pháp và công nghệ kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của SV một cách hiện đại, tích cực và hiệu quả, đánh giá đúng thực trạng kết quả học tập, rèn luyện của SV.

- Công tác tổ chức hỗ trợ tuyển dụng và việc làm, tiếp nhận và xử lý thông tin phản hồi từ SV tốt nghiệp hình thức ĐTTX và từ các CSSDNL về số lượng, cơ cấu và chất lượng để có bước điều chỉnh và đáp ứng còn kém hiệu quả, chưa linh hoạt và chưa được tổ chức nghiêm túc.

- Xã hội, cộng đồng và CSSDNL chưa nhận thức đúng về vai trò, sự linh hoạt của hình thức ĐTTX trong ĐT nhân lực trình độ ĐH.

Tóm lại, QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu trình độ ĐH bước đầu đã thực hiện khá tốt việc lập kế hoạch và kiểm tra, đánh giá như quy hoạch ĐTTX; QL các yếu tố đầu vào và quá trình ĐTTX, QL kiểm tra, giám sát và đánh giá ĐTTX. Tuy nhiên, chưa thực hiện tốt trong QL các yếu tố đầu ra và yếu tố bối cảnh, như tổ chức bồi dưỡng năng lực cho đội ngũ GV; QL dạy và hướng dẫn của GV; học và tự học của SV; QL phương tiện và học liệu phục vụ cho ĐTTX chưa phù hợp; tổ chức thu

thập thông tin phản hồi người học và CSSDNL để phục vụ cho phát triển ĐTTX cần được quan tâm, đầu tư nhiều hơn.

Vì vậy, để QL ĐTTX đáp ứng nhu cầu trình độ ĐH ở các tỉnh thuộc ĐBSCL chúng ta cần: 1) Xây dựng quy hoạch ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH vùng ĐBSCL; 2) QL phát triển chương trình ĐTTX theo chuẩn đầu ra đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH; 3) Đổi mới tuyển sinh ĐTTX đáp ứng sự đa dạng về nhu cầu sử dụng nhân lực trình độ ĐH; 4) Hình thành mạng liên kết mở nguồn học liệu giữa các CSĐT trong và ngoài vùng; 5) Đổi mới QL hoạt động dạy và học từ xa dựa trên cơ sở ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông; 6) Tăng cường cơ chế kiểm tra, giám sát ĐTTX đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH; 7) QL liên kết ĐTTX giữa CSĐT và CSSDNL đáp ứng nhu cầu nhân lực trình độ ĐH. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Phan Văn Kha (2007). *Giáo trình Quản lý nhà nước về giáo dục*. NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [2] Phan Văn Kha (2006). *Phương pháp tiếp cận trong nghiên cứu phát triển nguồn nhân lực*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục, số 11, tr 6-8.
- [3] Phan Văn Kha (2013). *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 99, tr 1-5; 40.
- [4] Phạm Phương Tâm (2013). *Một số khó khăn trong đào tạo từ xa ở Trường Đại học Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ, số 26, tr 79-85.
- [5] Asian Development Bank (1986). *Distance education in Asia and the Pacific*. Vol I, II, Manila.

Phát triển nguồn nhân lực...

(Tiếp theo trang 58)

hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế. Tạp chí Lí luận chính trị, số 8, tr 25-30.

[5] Nguyễn Thị Giáng Hương (2013). *Phát triển nguồn nhân lực nữ chất lượng cao ở nước ta và những vấn đề đặt ra*. Tạp chí Cộng sản, số 74, tr 51-54.

[6] Trương Mỹ Hoa (1995). *Vai trò của phụ nữ trong phát triển kinh tế - xã hội và tham gia quản lý đất nước - định hướng đến năm 2000*. Tạp chí Cộng sản, 10/1995, tr 14-15.

[7] UBND tỉnh Sơn La (2011). *Quyết định về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo, điều hành thực hiện phát triển kinh tế - xã hội và dự đoán ngân sách Nhà nước năm 2011*.

Một số vấn đề về tổ chức hoạt động...

(Tiếp theo trang 61)

diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.

[2] Chính phủ (2005). *Nghị quyết số 05/2005/NQ-CP ngày 18/4/2005 của Chính phủ về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá và thể dục thể thao*. NXB Lao động.

[3] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Chiến lược phát triển giáo dục 2011-2020, ban hành kèm theo Quyết định số 711/QĐ-TTg ngày 15/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ*.

[4] Trần Khánh Đức (2010). *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỉ XXI*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[5] Tô Duy Hợp - Lương Hồng Quang (2000). *Phát triển cộng đồng - lí thuyết và vận dụng*. NXB Văn hóa - Thông tin.